

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TP TN
TỈNH TN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2022/DS-ST
Ngày: 27-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng góp hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP TN, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tấn Phát;

2. Bà Bùi Phước Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân tp TN, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tp TN, tỉnh TN tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Văn Lập - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tp TN, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 256/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng góp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 226/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963; địa chỉ: Số nhà 405/3B khu phố NL, phường NS, tp TN, tỉnh TN.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976; địa chỉ: Số nhà 274 đường BL, khu phố NT, phường NS, tp TN, tỉnh TN.

Bà T, bà H có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 7 năm 2022, lời khai bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà T có tham gia hội của bà Nguyễn Thị H làm chủ thảo. Sau khi bà H bị kết án 16 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo bản án số: 22/2022/HSST ngày 08-4-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh TN và Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số: 433/2022/HSPT-QĐ ngày 24-6-2022 của Tòa án

nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho bà T số tiền 88.000.000 đồng. Số tiền hui còn lại bà T yêu cầu là 40.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn bà H trình bày:

Bà H thừa nhận có nợ số tiền hui 40.000.000 đồng, bà H đồng ý trả số tiền nêu trên và xin bà T tiền lãi.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tp TN:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Căn cứ vào Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của chính phủ về hui, họ, biếu, phường; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả số tiền 40.000.000 đồng. Ghi nhận bà T không yêu cầu tính lãi; giải quyết án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và bị đơn Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H là có căn cứ theo quy định tại các Điều 227, 228, 229 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền hui 40.000.000 đồng nên đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng góp hui được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và 471 của Bộ luật Dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ: Số nhà 274 đường BL, khu phố NT, phường NS, tp TN, tỉnh TN nên căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tp TN, tỉnh TN.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả số tiền hui 40.000.000 đồng, thấy rằng:

Phía nguyên đơn, bị đơn trình bày thống nhất số tiền nợ hui là 40.000.000 đồng. Vì vậy Hội đồng xét xử ghi nhận số tiền bà H phải trả cho bà T là 40.000.000 đồng và bà T không yêu cầu tính lãi.

[4] Từ phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tp TN, buộc bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán (trả) cho bà Nguyễn Thị T số tiền 40.000.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với bà Nguyễn Thị H về “Tranh chấp hợp đồng góp hội”.

Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ hội là 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng. Ghi nhận bà T không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm:

2.1. Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí 1.000.000 (Một triệu) đồng theo biên lai số 0001219 ngày 25-7-2022 của Chi cục thi hành án dân sự tp TN.

2.2. Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.000.000 (Hai triệu) đồng.

3. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND. TPTN;
- Chi Cục THADS. TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Trọng Nghĩa